

GIÁO DỤC CỦA NGƯỜI HOA TẠI SÀI GÒN - CHỢ LỚN GIAI ĐOẠN 1900 - 1954^(*)

PHẠM NGỌC HƯỜNG*

Bài viết tìm hiểu một số hoạt động giáo dục của người Hoa tại Sài Gòn giai đoạn 1900 - 1954, bao gồm: chính sách của chính quyền thuộc địa Pháp đối với hoạt động giáo dục của người Hoa; chế độ học tập, sách giáo khoa và các giai đoạn phát triển của trường học người Hoa. Hoạt động giáo dục của người Hoa đã được sự ủng hộ và hỗ trợ rất lớn của cộng đồng người Hoa, đặc biệt là giới thương gia. Bên cạnh đó các trường học của người Hoa còn được chính quyền thuộc địa Pháp tạo điều kiện và được chính quyền (Trung Hoa Dân quốc) ở Trung Quốc trước 1949 và ở Đài Loan sau năm 1949 hỗ trợ về chương trình và sách giáo khoa. Nghiên cứu về giáo dục của người Hoa giai đoạn này nhằm tìm hiểu một phương thức bảo tồn và phát triển văn hóa của người Hoa ở Nam Bộ giai đoạn 1900 - 1954.

Từ khóa: Sài Gòn - Chợ Lớn, người Hoa, chính sách, giáo dục, trường học

Nhận bài ngày: 11/10/2018; đưa vào biên tập: 12/10/2018; phản biện: 20/10/2018; duyệt đăng: 28/10/2018

1. SƠ LƯỢC VỀ NGƯỜI HOA Ở SÀI GÒN - CHỢ LỚN

Người Hoa di cư đến Việt Nam từ rất sớm, theo *Sử ký* ghi chép thì bắt đầu từ thời Tần, nhưng đối với Nam Bộ⁽¹⁾ - vùng đất mới so với chiều dài lịch sử của cả đất nước, thì đến thế kỷ XVII mới bắt đầu có sự xuất hiện của người Hoa. Đợt di cư lớn đầu tiên của

người Hoa vào Nam Bộ là khi Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch dẫn đầu đoàn quân binh đến khu vực cửa biển Cần Giờ vào nửa cuối thế kỷ XVII. Sau đó, Trần Thượng Xuyên được phép của chúa Nguyễn vào khai khẩn vùng đất Cù Lao Phố (Biên Hòa), cùng lúc Dương Ngạn Địch được phép về vùng Mỹ Tho. Sau khi Cù Lao Phố bị các cuộc xung đột tàn phá, người Hoa tập trung lên vùng Chợ Lớn, thuộc Sài Gòn (Thành phố

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Hồ Chí Minh sau này). Đợt di cư lớn tiếp theo của người Hoa diễn ra vào khoảng giữa thế kỷ XIX. Sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc tại Trung Quốc, nhiều đoàn người Hoa đã đến Việt Nam xin tỵ nạn chính trị. Đến cuối thế kỷ XIX, khi Pháp và Trung Quốc ký Hòa ước tháng 6/1885 và Thương ước tháng 4/1886, với những điều khoản ưu đãi Hoa kiều, cho họ được đối xử ngang hàng và hưởng quyền lợi như người Việt (quyền mua bán, lập kho chứa hàng hóa...) (Sơn Nam, 2014: 206), cộng thêm chính sách mở cửa của người Pháp (như miễn thuế cho người Hoa nhập cư), đã khiến cho người Hoa ào ạt di cư đến Sài Gòn. Đầu thế kỷ XX, bị đe dọa bởi cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất và cuộc chiến tranh Trung - Nhật, người Hoa tiếp tục có những đợt di cư đến Việt Nam.

Người Hoa sống ở khắp các vùng trên toàn lãnh thổ Việt Nam, nhưng tập trung nhiều nhất ở khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn và tổ chức thành các bang, hội, đoàn thể. Tùy theo từng vùng quê hương mà người Hoa phân thành nhiều bang khác nhau như Quảng Triệu, Triều Châu, Phúc Kiến, Hải Nam, Phúc Châu, Quỳnh Châu, Khách Gia. Từ 7 bang này, người Hoa thành lập Hội sở của Thất Phủ, nhưng mỗi bang lại thành lập hội quán riêng. Năm 1885, Thất bang hợp lại thành Ngũ bang, gồm: Quảng Đông, Triều Châu, Khách Gia, Hải Nam và Phúc Kiến. Đến năm 1948, Ngũ bang hợp lại đổi thành Trung Hoa Lý Sự hội quán.

Do người Hoa là một dân tộc thiểu số ở Việt Nam, nhưng đến từ một đất nước có nền văn hóa phát triển lâu đời, có khuynh hướng sống tập trung thành từng vùng, nên họ rất quan tâm đến giáo dục và giữ gìn văn hóa trong cộng đồng.

Cũng như người Việt, bước sang đầu thế kỷ XX, nền giáo dục của người Hoa cũng có nhiều biến chuyển, từ giáo dục khoa cử Nho học bắt đầu chuyển sang Tây học. Nghiên cứu về giáo dục của người Hoa trong giai đoạn này là nhằm tìm hiểu một phương thức bảo tồn và phát triển văn hóa của người Hoa tại Nam Bộ dưới thời thuộc Pháp. Qua đó giúp hiểu rõ thêm ảnh hưởng của người Hoa ở Việt Nam và ở Đông Nam Á sau thời kỳ thuộc địa.

2. CHÍNH SÁCH CỦA CHÍNH QUYỀN THUỘC ĐỊA PHÁP ĐỐI VỚI GIÁO DỤC CỦA NGƯỜI HOA Ở SÀI GÒN

2.1. Một số nghị định, sắc lệnh liên quan đến giáo dục của người Hoa

Vào khoảng cuối thế kỷ XIX, người Pháp có nhiều chính sách ưu đãi đối với người Hoa, vì vậy hoạt động giáo dục trong cộng đồng người Hoa được thả lỏng, tự do phát triển. Chính quyền Pháp không can thiệp đến việc mở trường cho đến khi các trường học người Hoa xuất hiện ngày càng nhiều. Từ năm 1924, Phủ Toàn quyền Đông Dương bắt đầu ban hành “*Quy tắc cho các trường học tư thực Trung văn ở Nam Kỳ An Nam*”. Cụ thể, sắc lệnh ngày 14/5/1924 ngoài các thể lệ chung, còn có điều 5 quy định bắt

buộc tất cả các trường tư thực tại Đông Dương phải dạy bằng tiếng Pháp hay tiếng bản xứ (tức tiếng Việt), mỗi tuần phải dạy môn Pháp văn 4 giờ đồng hồ. Ngoài ra, còn quy định người Hoa khi thành lập trường học tư thực phải xin phép chính quyền sở tại, có giấy cấp phép rồi mới được thành lập. Nghị định ngày 27/1/1925 ban bố thêm "*Điều lệ xử phạt giáo viên trong các trường tiểu học tư*", đồng thời chỉ cho phép mở hai hạng trường: 1) Các trường dùng tiếng Pháp làm chuyển ngữ (như các trường do Pháp lập, trường Pháp - Việt và trường chuyên nghiệp); 2) Các trường dùng tiếng bản xứ làm chuyển ngữ, tức là các trường sơ học (chỉ có lớp 3, 4, 5) (Trung tâm Lưu trữ II, Hồ sơ 22340: 9).

Sắc lệnh ngày 13/8/1930 lại đặc cách sửa đổi Điều 5 của sắc lệnh ngày 14/5/1924 trước đó, cho phép các trường giảng dạy một phần bằng tiếng Trung Hoa, Miến Điện hay Mã Lai, bên cạnh giảng dạy bằng tiếng Pháp hay tiếng bản xứ. Áp dụng sắc lệnh ngày 13/8/1930, Phủ Toàn quyền cho phép mở thêm 2 loại trường nữa so với Nghị định ngày 27/1/1925: 1) Các trường tiểu học Trung Hoa, Miến Điện hay Mã Lai: các trường này bắt buộc phải có dạy tiếng Pháp, ít nhất 5 giờ mỗi tuần lễ. 2) Các trường sơ học Trung Hoa, Miến Điện hay Mã Lai: Các trường này bắt buộc phải có dạy hoặc tiếng Pháp, hoặc tiếng bản xứ, ít nhất 3 giờ mỗi tuần lễ) (Trung tâm Lưu trữ II, Hồ sơ 22340: 10).

Đến năm 1933, Thống đốc Nam Kỳ ban bố nghị định ngày 7/7/1932 của Phủ Toàn quyền về "*Điều lệ giáo dục của người nước ngoài ở Nam Kỳ*" phân định chặt chẽ hơn về các lớp tiểu học và lớp vỡ lòng của các trường học ngoại kiều. Cả 2 loại lớp trên đều có thể sử dụng tiếng mẹ đẻ để dạy học. Duy có lớp vỡ lòng mỗi tuần phải dạy Pháp ngữ hoặc Việt ngữ 3 giờ đồng hồ; tiểu học mỗi tuần phải dạy Pháp văn 8 giờ đồng hồ, việc dạy tiếng Việt thì do giáo viên tự sắp xếp, không áp đặt thời gian cụ thể. Nghị định này của Thống đốc Nam Kỳ cũng ấn định rằng Trường trung học Pháp - Hoa Chợ Lớn (Lycée Franco-Chinoise de Cholon) vẫn được theo quy chế riêng mà Giám đốc Học chánh Đông Dương đã duyệt y. Nghị định cũng quy định các điều kiện cụ thể để mở trường học như sau: 1) Hiệu trưởng trường học phải có bằng sư phạm do chính quyền sở tại cấp phát; 2) Hiệu trưởng phải có thời gian cư trú 3 năm; 3) Mỗi tuần cần dạy thêm môn tiếng Việt 4 giờ đồng hồ; 4) Phòng học phải đảm bảo cho mỗi 1 học sinh 1m²; 5) Mỗi 40 em học sinh phải xây dựng một phòng vệ sinh kiểu Tây; 6) Không cho phép được tuyên truyền chính trị và tôn giáo trong trường học (Hội Biên soạn Hoa kiều chí, 1958: 360).

2.2. Về quản lý hành chính đối với các trường học của người Hoa

Các trường học của người Hoa nằm dưới sự quản lý của Bộ Giáo dục miền Nam, Cục Giáo dục liên bang và

Đốc học Khu thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn. Việc mở các trường học của người Hoa được quy định như sau: nếu tổ chức nhận dạy số học sinh từ 5 người trở lên cần trình báo với nhà đương cục xin phép thành lập trường; các thủ tục mở trường học do người đứng tên xin phép và người đứng phải có văn bằng sư phạm Hoa văn do chính quyền sở tại cấp phát hoặc văn bằng do Trung Quốc cấp phát nhưng phải được nhà đương cục chứng nhận hợp cách; có các giấy tờ khác như giấy khám sức khỏe, giấy chứng nhận nhân phẩm của bang hội, bản sao các loại tờ trình khác liên quan nộp cho nhà đương cục để xin mở trường học; việc lựa chọn giáo viên trong các trường học cũng phải có những thủ tục giống như vậy. Mỗi năm vào mùa xuân, nhà đương cục đều có tổ chức thi tuyển chọn giáo viên Hoa văn và Pháp văn. Chế độ thi này được mở riêng cho các trường học Hoa kiều, thực hiện từ năm 1933 cho đến năm 1955, trừ khi có chiến sự. Hạng mục thi này phân ra hai cấp là sơ cấp và cao cấp; sơ cấp chỉ thi thường thức và viết chữ; cao cấp thi làm văn, toán số và thường thức. Nếu trúng sơ cấp, được cấp chứng chỉ Sơ cấp giáo viên tiểu học; trúng cao cấp được nhận chứng chỉ Giáo viên cao tiểu học (dạy bậc tiểu học đến trung học). Trước Chiến tranh thế giới lần thứ 2, quy định nhập cảnh vào Việt Nam tương đối lỏng lẻo. Người Hoa nhập cảnh Việt Nam chỉ cần các bang, hội người Hoa sở tại đứng ra bảo lãnh là có thể được ở lại; nên giáo viên

tiếng Hoa từ Trung Quốc sang Việt Nam dạy học khá nhiều.

3. CHẾ ĐỘ HỌC TẬP, SÁCH GIÁO KHOA VÀ CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG HỌC NGƯỜI HOA TẠI SÀI GÒN - CHỢ LỚN

3.1. Một số quy định về chế độ học tập và sách giáo khoa trong trường học của người Hoa

Trước năm 1949, các trường học của người Hoa tại Việt Nam áp dụng theo chế độ học tập như ở Trung Hoa Dân quốc, cả về thời gian học, môn học và chế độ học tập... Chẳng hạn: cấp tiểu học 6 năm (4 năm sơ tiểu và 2 năm cao tiểu), trung học cơ sở và trung học phổ thông mỗi cấp 3 năm. Nhưng các trường học của người Hoa hệ tiểu học 6 năm có khi mở kèm thêm lớp mẫu giáo. Các trường trung học cơ sở cũng thường mở thêm khối tiểu học và mẫu giáo. Những trường ở vùng sâu, xa đô thị thì chỉ mở hệ tiểu học 4 năm (4 năm sơ tiểu). Các trường học thông thường mỗi niên học chia làm 2 học kỳ. Ban đầu, các trường phần lớn đều bắt đầu kỳ học vào mùa xuân, sau này dần đổi sang đầu mùa thu. Năm học bắt đầu vào tháng 8 và kết thúc vào tháng 7 năm sau. Ngôn ngữ dạy học trong các trường học người Hoa thường dựa vào trường đó thuộc bang nào mà sử dụng cho phù hợp. Sau năm 1945, đều dạy chung tiếng Hoa phổ thông, chỉ một số trường học ở các tỉnh khác là vẫn dạy ngôn ngữ địa phương.

Các môn học và chế độ học tập tuy về nguyên tắc vẫn theo quy định của Bộ

Giáo dục Trung Hoa Dân quốc, nhưng một số trường học không hoàn toàn đúng như quy định. Đến năm 1946, Chính phủ Trung Hoa Dân quốc đã cử người sang thị sát các trường học của người Hoa để chỉ dẫn, phân biệt các môn học cụ thể và số giờ dạy cụ thể. Tuy vậy họ vẫn buộc phải cho các trường giảng dạy thêm môn Pháp văn và Việt văn theo quy định của chính quyền sở tại. Nhưng thực tế các trường học của người Hoa cũng chỉ thực hiện quy định này một cách lắt lể, ứng phó; thời lượng dạy môn Pháp văn và Việt văn thường không đầy đủ theo đúng quy định (Hội Biên soạn Hoa kiều chí, 1958: 99).

Sau năm 1949, trường học của người Hoa áp dụng các chương trình học của Bộ Giáo dục chính quyền Đài Loan. bậc tiểu học bao gồm 6 lớp (từ lớp mẫu giáo đến lớp 5), bậc trung học cơ sở và bậc trung học phổ thông đều 3 năm. Để nâng cao nghiệp vụ và trình độ sư phạm, vào những năm 1950, mỗi năm chính quyền Đài Loan đều gửi giáo viên các cấp qua Việt Nam để xem xét hoạt động giáo dục trong cộng đồng Hoa kiều, kiểm soát các tổ chức giáo dục, mở các khóa tu nghiệp cho giáo viên... Ngoài ra, hàng năm một số hiệu trưởng và giáo viên các trường Hoa kiều còn được mời về Đài Loan để dự các khóa tu nghiệp dành riêng cho họ (Trung tâm Lưu trữ II, Hồ sơ 22340: 3).

Từ năm 1950 trở đi, Thư cục Chính Trung - một trung tâm phát hành sách lớn của Đài Loan đảm nhiệm việc

cung ứng sách giáo khoa cho tất cả các trường học của người Hoa ở Việt Nam. Đến năm 1954, do sự quản chế chặt chẽ về ngoại hối của Chính phủ Việt Nam cộng hòa, chi phí vận chuyển sách giáo khoa từ Trung Quốc vào Việt Nam quá cao, dẫn đến giá bán sách cũng tăng lên, số lượng sách cung ứng cũng không có nhiều, đã gây ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động giáo dục ở các trường học của người Hoa (Hội Biên soạn Hoa kiều chí, 1958: 100). Sau năm 1954, Thư cục Chính Trung đặt văn phòng tại Sài Gòn và sách giáo khoa được in trực tiếp tại đây, nên việc cung cấp sách học cho toàn bộ các trường học của người Hoa tại Việt Nam đã trở nên thuận lợi hơn.

3.2. Trường học người Hoa giai đoạn 1900 - 1929

Trường học đầu tiên của người Hoa ở Chợ Lớn, cũng là trường của người Hoa thành lập sớm nhất trong cả nước là trường Min-Tchang, tức Mân Chương, thành lập năm 1907. Trường do các ông Xie Mayan (Tạ Mã Diên - 謝馬延), Cao Yunze (Tào Doãn Trạch - 曹允澤) người Phúc Kiến khởi xướng, mượn Hội quán Hà Chương làm phòng dạy học. Tsai Maw Kuey trong sách *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam* cho biết: “Cuộc vận động một phương pháp hiện đại hơn và có hiệu quả hơn trong nền giáo dục học đường đã được phát động vào năm 1907, bởi một nhà buôn giàu có người Phúc Kiến là Tsia-Vau, ông này đã đóng góp rộng rãi vào việc thiết lập

một ngôi trường mới đầu tiên, trường Min-Tchang, trở thành trường trung học Phúc Kiến sau này” (Tsai Maw Kuey, 1968: 196). Cũng năm đó Xie Mayan quyền tiền hợp tác mở trường học Pháp - Trung ở Chợ Lớn. Ông đã hiến một khoảnh đất lớn cho chính quyền Chợ Lớn để xây trường. Cuộc vận động của ông đã được sự hưởng ứng của Ngũ bang ở Sài Gòn - Chợ Lớn và 52 cửa hiệu người Hoa Quảng Đông, của các công ty lớn của người Pháp tại Sài Gòn, các công ty nước láng giềng, và Thống đốc chính quyền Pháp tại Nam Kỳ. Tổng cộng ông đã quyên góp được hơn 10 vạn đồng. Năm 1908 Hội ủy viên Trung - Pháp học hiệu ra đời, sáng lập trường học Pháp - Trung (Lycee Franco-Chinois). Xie Mayan được Tổng đốc Pháp tại Việt Nam ban cho danh hiệu Học sĩ giáo dục. Trường học Pháp - Trung mỗi năm, ngoài tiền thu từ học phí ra, còn được Bộ Văn hóa Pháp hỗ trợ mỗi năm một trăm vạn franc và được trích 12,5% từ thuế của các hãng buôn người Hoa (Deng Shuizheng, 2011: 248). Trường Pháp - Trung theo chế độ trung học 5 năm, vừa học sách giáo khoa tiếng Pháp, vừa học sách giáo khoa tiếng Hoa. Giáo viên là người có quốc tịch Pháp và Trung Quốc, đa số là giáo viên có trình độ tốt. Trường học vì thế mà nổi tiếng, người theo học ngày một đông. Học sinh tốt nghiệp có chất lượng vượt trội hơn so với những trường học Hoa văn khác, được xã hội coi trọng. Nhiều học sinh sau khi tốt nghiệp có thể đi Pháp du học, theo học các ngành như y khoa,

thương nghiệp, kiến trúc, pháp luật... hoặc học cao lên ở các trường đại học Bắc Kinh, Vũ Hán, Hạ Môn... (Trung Quốc). Một số học sinh khác sang Đài Loan du học (Deng Shuizheng, 2011: 249). Sau năm 1954, chính quyền Sài Gòn đổi tên trường Pháp - Trung thành Học viện Bác Ái (nay là Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh).

Năm 1912, các Hoa kiều người Quảng Đông mở một trường học lớn mới mang tên Tuệ Thành, nằm bên phải của hội quán Tuệ Thành. Tất cả kinh phí xây dựng trường đều do Hội quán Tuệ Thành lo liệu. Theo miêu tả của Đào Trinh Nhất vào năm 1924, tại Sài Gòn có hai ngôi trường lớn nhất trong đó có trường trung học Tuệ Thành, học sinh khoảng 200 người, từ 17, 18 tuổi trở xuống. Trường này to rộng, có phòng học, nhà ngủ, nhà tắm, sân chơi, lại có sân tập thể thao, do một thầy chuyên môn của họ dạy; học sinh mặc đồng phục riêng, chương trình học khá rộng, các khoa toàn là Hán văn, ngoài ra còn có ngoại quốc văn, như chữ Anh, chữ Nhật, chữ Pháp... (Đào Trinh Nhất, 1924: 54-55). Đến những năm 1920, một loạt các trường học của các bang khác, như Trường Nghĩa An của bang Triều Châu, Trường Sùng Chính của bang Khách Gia, Trường Lạc Thiện của bang Hải Nam lần lượt được thành lập, một số trường dành riêng cho học sinh nữ cũng ra đời, có thể kể đến các trường như: Khôn Đức, Chấn Hoa, Đông Á... Riêng khu vực Sài Gòn

cũng có nhiều trường học ra đời như Quảng Triệu, Thành Chí... Ngoài trường Pháp - Trung là trường trung học cơ sở ra, còn lại các trường đều là hệ tiểu học. Trong giai đoạn mới thành lập, chỉ có trường Pháp - Trung thu học phí của học sinh, các trường còn lại được các bang, hội hỗ trợ kinh phí hoạt động nên đều miễn phí. Sau năm 1921, trường học của người Hoa tiếp tục được mở thêm ngày càng nhiều. Theo *Hoa kiều chí*: người Hoa Phúc Kiến và Quảng Đông hợp tác với nhau mở trường Tinh Võ, người Hoa gốc Đông Quảng tỉnh Quảng Đông mở trường Bình Thiện. Người Hoa gốc Quỳnh Châu, Hải Nam mở trường Tam Dân. Đến năm 1931, ngoài các trường tiểu học của người Hoa đã mọc lên ở khắp nơi, bắt đầu có thêm các trường trung học mới, đó là trung học Ký Nam và trung học Trung Quốc tại khu vực Chợ Lớn (Hội Biên soạn Hoa kiều chí, 1958: 96).

Có thể nói giai đoạn từ 1900 đến 1929 là giai đoạn đầu tiên mang tính chấn hưng giáo dục của người Hoa ở Nam Bộ theo xu hướng giáo dục hiện đại kiểu phương Tây. Bên cạnh các trường tư thực, nhiều trường học công đã ra đời tại các địa bàn có đông người Hoa sinh sống. Một số trường học được tổ chức tốt và dạy học có chất lượng.

3.3. Trường học người Hoa giai đoạn 1930-1954

Sau khi cuộc chiến tranh Trung - Nhật nổ ra, không ít các nhân sĩ giáo dục ở một số tỉnh phía nam Trung Quốc như Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Châu

di cư đến Sài Gòn lánh nạn, bổ sung thêm nguồn lực giáo viên đông đảo tại khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn. Người Hoa có điều kiện mở thêm một số trường hệ trung học cơ sở, như: Tri Dụng, Lĩnh Nam, Quốc Dân, Hoa Hoa, Dật Tiên, Nam Kiều... Theo ghi chép trong *Tây Đê niên giám* 西堤年鉴: trường trung học Tri Dụng thành lập năm 1939, là trường trung học tư thực của người Quảng Châu, do ông Đường Phúc Ngôn quyên góp tiền bạc xây dựng lên. Trường có quy mô lớn nhất toàn khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn, có thiết bị giáo dục đầy đủ, cũng là trường đầu tiên mở hệ trung học phổ thông. Học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học của trường ra đều đạt được những thành tựu nhất định. Các trường tiểu học do các bang người Hoa lập ra trước đây như Nghĩa An, Quảng Triệu, Tuệ Thành, Phúc Kiến, Sùng Chính... đều lần lượt mở thêm hệ trung học cơ sở (Li Wenxiong, 1949: 73). Sau năm 1940, nhiều trường học tiếp tục mở thêm hệ trung học phổ thông như: Dật Tiên, Lĩnh Nam, Nghĩa An, Quốc Dân, Tuệ Thành, Viễn Đông... Trong đó trường trung học Quốc Dân được đánh giá là ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt. Tính đến niên học 1936-1937, tại khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn có khoảng 168 trường học các cấp, với 405 giáo viên và 6.869 học sinh; niên học 1937-1938 số trường học tăng lên 201 trường, với 471 giáo viên và 12.128 học sinh (Li Baiyin, 1990: 120).

Sau khi Nhật xâm chiếm Việt Nam (1941), cùng với nhiều biến động thời

cuộc trong nước, các trường học của người Hoa ở khu vực Chợ Lớn bị ảnh hưởng nặng nề. Một số trường học bị quân Nhật chiếm dụng, các thiết bị giáo dục, sách vở đều bị mất mát, hư hỏng, tổn thất. Nhiều trường phải di dời sang địa điểm nhỏ hẹp khác để dạy học tạm thời, một số trường phải đóng cửa, tạm dừng việc dạy học. Một bộ phận học sinh theo gia đình sơ tán về vùng nông thôn. Quân Nhật giám sát và quản lý các trường học của người Hoa rất nghiêm ngặt, cấm chỉ các trường học người Hoa dạy các tài liệu có nội dung liên quan đến kháng Nhật (Deng Shuizheng, 2011: 249). Theo thống kê của chính quyền, niên học 1943-1944, trường học của người Hoa toàn Nam Kỳ có tổng cộng 260 trường, 616 giáo viên và 20.868 học sinh. Đến niên học 1945-1946, số trường học Hoa kiều toàn Nam Kỳ chỉ còn duy trì 142 trường, 562 giáo

viên và 19.804 học sinh. Trong đó, chỉ có 60% số trường là của khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn. Điều đó cho thấy mức giảm sút số trường học ở Sài Gòn - Chợ Lớn trong giai đoạn này. Sự trở lại của Pháp ở Việt Nam cuối năm 1945 đem lại thuận lợi cho các trường học Hoa kiều, nên theo điều tra đầu kỳ năm 1948, toàn khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn có tổng cộng 97 trường học của người Hoa, bao gồm cả khối trung học và tiểu học, có 911 giáo viên và 25.226 học sinh (Li Wenxiong, 1949: 76). So với năm 1938, số trường học có giảm đi, nhưng số học sinh và giáo viên lại tăng lên đáng kể. Tính riêng khối phổ thông trung học, đến năm 1948 có 330 học sinh, khối trung học cơ sở có 2.836 học sinh, đại học 117 học sinh, chiếm tỷ lệ 35% tổng số học sinh theo học đến cấp trung học phổ thông (xem Bảng 1 – tác giả tổng hợp

Bảng 1: Số học sinh người Hoa khối trung học cơ sở và trung học phổ thông tại Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1948

STT	Tên trường	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Đại học
1	Trung Pháp	1114		
2	Tri Dục	288	98	66
3	Lĩnh Nam	131	82	51
4	Nghĩa An	300	100	
5	Quốc Dân	200	50	
6	Tuệ Thành	233		
7	Quảng Triệu	128		
8	Dật Tiên	72		
9	Hoa Hoa	60		
10	Phúc Kiến	285		
11	Thành Chí	25		
Cộng		2836	330	117

Nguồn: Phạm Ngọc Hường, 2018, tổng hợp từ *Tây Đê niên giám*.

từ *Tây Đê niên giám*). Sang những năm 1950, cuộc kháng chiến chống Pháp của người Việt diễn ra quyết liệt, các trường học của người Hoa ít nhiều bị ảnh hưởng và có sự thay đổi trong nội dung và phương pháp dạy - học: 1) Sách giáo khoa giảng dạy, bổ sung thêm các tài liệu liên quan đến thời cuộc; 2) Trường học đã triển khai những buổi học ngoại khóa, ra báo tường, diễn kịch, ca hát, xem phim ảnh, tổ chức các buổi thảo luận về thời sự; 3) Các trường học như Quảng Triệu, Phúc Kiến, Triều Châu liên kết thống nhất dạy tiếng phổ thông Bắc Kinh, không còn tình trạng bang nào thì học tiếng địa phương của bang, hội đó. Có thể nói các trường học của người Hoa đã thay đổi nhiều về phương pháp học tập và giảng dạy, quan tâm hơn đến các vấn đề trong nước cũng như tình hình quốc tế. Không ít học sinh Hoa kiều đã tham gia vào cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ (Deng Shuizheng, 2011: 251).

Nhìn chung, giai đoạn 1930-1954 là thời kỳ hoạt động giáo dục của người Hoa phát triển tương đối ổn định, dù có bị ảnh hưởng bởi chiến tranh. Trong thời gian này, không chỉ ở trung tâm thành phố mà ngay cả ở nơi ngoại ô hẻo lánh cũng có nhiều

trường học được thành lập mới. Một số trường học mở rộng thêm quy mô, chiêu sinh thêm học sinh các cấp khác; các trường tư thục cũng đã thay đổi lối dạy học dưới ảnh hưởng của tân học và sự cạnh tranh của các trường công.

KẾT LUẬN

Nhìn chung, hoạt động giáo dục của người Hoa tại Sài Gòn giai đoạn 1900-1954 khá phát triển. Các trường học đã được sự hỗ trợ lớn về vật chất cũng như những đóng góp khác của các nhân sĩ người Hoa, đồng thời được chính quyền thuộc địa Pháp tại Nam Bộ tạo điều kiện. Các chính sách và quy định cụ thể của chính quyền Pháp tại Nam Bộ về số giờ dạy, ngôn ngữ học, giáo viên... cũng như việc các trường học theo sách giáo khoa giảng dạy của chính quyền đương thời Trung Quốc (trước 1949) và Đài Loan (sau 1949), cho thấy hoạt động giáo dục có quy mô và tuân theo thể chế nhất định. Có thể nói việc phát triển giáo dục trong cộng đồng người Hoa ở giai đoạn này không những giúp người Hoa giữ gìn văn hóa tộc người, vươn lên theo kịp thời đại, mà còn đặt nền móng để người Hoa tiếp tục có vị trí trong xã hội Việt Nam ở giai đoạn lịch sử tiếp theo. □

CHÚ THÍCH

(*) Bài viết chọn giai đoạn 1900-1954, vì trước đó vào năm 1898 phong trào Duy Tân ở Trung Quốc nổ ra, là cuộc cải cách về tất cả mọi mặt, trong đó có việc sửa đổi lại thi cử, lập nhiều trường học theo kiểu phương Tây. Cuộc vận động này đã ảnh hưởng đến giáo dục của người Hoa ở hải ngoại, trong đó có Việt Nam. Nền giáo dục đó đã

luôn tồn tại và phát triển đến năm 1945 dưới sự quản lý của thực dân Pháp. Năm 1945 Việt Nam giành được độc lập, nhưng tháng 9 năm đó, thực dân Pháp lại quay trở lại đánh chiếm Nam Kỳ. Năm 1946 Pháp thành lập Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ. Lúc này là thời kỳ chiến tranh Pháp - Việt, giáo dục của người Hoa vẫn tiếp diễn và áp dụng chế độ học tập của Bộ Giáo dục Trung Quốc và các chính sách giáo dục của thực dân Pháp cho đến năm 1954. Sau 9 năm kháng chiến, quân Pháp đã hoàn toàn rút khỏi Việt Nam. Hiệp định Genève chấm dứt sự hiện diện của quân đội Pháp trên bán đảo Đông Dương, chính thức chấm dứt chế độ thực dân Pháp tại Đông Dương. Hơn nữa, sau năm 1954, giáo dục người Hoa tại Sài Gòn do Bộ Giáo dục Quốc gia, thuộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa quản lý. Giáo dục của người Hoa lúc này đã rẽ sang một bước ngoặt mới. Chính vì lý do trên mà tác giả đã chọn nghiên cứu giáo dục của người Hoa giai đoạn 1900 - 1954.

⁽¹⁾ Trước năm 1930 Sài Gòn và Chợ Lớn là 2 thành phố riêng biệt. Ngày 27/4/1931, Tổng thống Pháp ký sắc lệnh hợp nhất thành phố Sài Gòn và thành phố Chợ Lớn thành một đơn vị hành chính mới gọi là Khu Sài Gòn - Chợ Lớn (Région Saigon - Cholon ou Région de Saigon - Cholon). Ngày 30/6/1951, Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa ký sắc lệnh số 311-cab/SG đổi tên Khu Sài Gòn - Chợ Lớn thành Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn (Préfecture Saigon - Cholon ou Préfecture de Saigon - Cholon ou Ville-capitale de Saigon - Cholon). Ngày 22/10/1956, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh 143/VN đổi Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn thành Đô thành Sài Gòn. Sau năm 1976 đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đào Trinh Nhất. 1924. *Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ*. Hà Nội: Nhà in Thụy Ký.
2. Deng Shuizheng (邓水正). 2011. (东南亚与华侨华人研究文集) *Đông Nam Á dữ Hoa kiều Hoa nhân nghiên cứu văn tập*. Trung Quốc: Công ty xuất bản Thiên Mã.
3. Hội Biên soạn Hoa kiều chí. 1958. *Hoa kiều chí* (華僑志). Đài Loan.
4. Li Baiyin (李白茵). 1990. *Việt Nam Hoa kiều dữ Hoa nhân* (越南華僑與華人). Trung Quốc: Đại học Sư phạm Quảng Tây xuất bản.
5. Li Wenxiong (李文雄). 1949. *Tây Đê niên giám* 西堤年鑑. Sài Gòn: Việt Nam Các Đại thư cục.
6. Sơn Nam. 2014. *Đất Gia Định - Bến Nghé xưa và người Sài Gòn*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
7. Trung tâm Lưu trữ II, Hồ sơ 22340, Phủ Tổng thống đệ nhất cộng hòa.
8. Tsai Maw Kuey. 1968. *Người Hoa ở miền Nam Việt Nam*. Thư viện Quốc gia Paris.
9. Zhang Wenhe (张文和). 1975. *Việt Nam Hoa kiều sử thoại* (越南华侨史话). Đài Loan: Công ty cổ phần Sự nghiệp văn hóa Lê Minh.